

Số: 07 /2022/NQ- HĐND

Quảng Nam, ngày 21 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHÓA X, KỶ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện;*

*Xét Tờ trình số 1855/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

## 2. Đối tượng áp dụng

### a) Đối tượng nộp phí

Các tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường của các dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

### b) Tổ chức thu phí

Đối với các dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Đối với các dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép môi trường: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

## **Điều 2. Quy định về mức thu phí và nguyên tắc áp dụng mức thu phí**

### 1. Mức thu phí

<b>TT</b>	<b>Đối tượng chịu phí</b>	<b>Mức thu (đồng/hồ sơ)</b>
<b>I</b>	<b>Giấy phép môi trường thuộc cấp tỉnh</b>	
1	Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.	16.000.000
2	Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.	9.000.000
3	Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động và thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.	9.000.000
4	Dự án đầu tư, cơ sở được tiếp nhận và trả kết quả cấp giấy phép môi trường qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	2.000.000
<b>II</b>	<b>Giấy phép môi trường thuộc cấp huyện</b>	
1	Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.	5.000.000
2	Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động và thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.	5.000.000
3	Dự án đầu tư, cơ sở được tiếp nhận và trả kết quả cấp giấy phép môi trường qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	2.000.000

2. Mức thu phí nêu trên được tính theo lần thẩm định cấp/cấp lại/điều chỉnh giấy phép môi trường.

3. Mức phí không bao gồm chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải; chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải do tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép môi trường chi trả theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Quản lý và sử dụng phí**

Cơ quan thu phí được để lại 90% trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ công tác thẩm định và thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Nộp 10% còn lại vào ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2022.

Bãi bỏ Điều 11 Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022: Thực hiện giảm 50% mức thu phí cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường của nhóm Dự án đầu tư, cơ sở được tiếp nhận và trả kết quả cấp giấy phép môi trường qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của cấp huyện và cấp tỉnh theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Những nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: TC, TN&MT;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTĐB.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Việt Cường**

